

LỜI MỞ ĐẦU

➤ Lý do nghiên cứu:

Cùng quá trình hội nhập, phát triển, xuất nhập khẩu dần trở thành bộ phận không thể thiếu trong nền kinh tế đất nước đặc biệt trước xu thế toàn cầu hóa hiện nay. Cũng bởi vậy, chính sách quản lý nhập khẩu được chính phủ đề cao, nghiên cứu vô cùng kỹ lưỡng và cẩn trọng nhằm đưa ra những chính sách quản lý phù hợp, có ích cho nền kinh tế.

chất dẻo nguyên liệu cũng là mặt hàng nằm trong danh mục hàng hóa nhập khẩu có tầm ảnh hưởng lớn đối với kinh tế nước nhà. Vấn đề quản lý nhập khẩu đang là công tác đầy khó khăn, thách thức đối với các nhà quản lý trong khi chúng ta đang ngày càng tiến tới thực hiện đúng cam kết trong WTO và các cam kết khu vực.

➤ Mục đích:

Mục tiêu chung: Nghiên cứu, đánh giá tình hình phát triển ngành chất dẻo trong nước, đồng thời còn có những tác động của những hạn chế trong hoạt động nhập khẩu. Từ đó đề ra những phương hướng quản lý và phát triển nhằm nâng cao năng lực của ngành cũng như sự phát triển của nền kinh tế.

Mục tiêu cụ thể:

- Nắm bắt thực trạng phát triển của ngành
- Những tồn tại của ngành cũng như hoạt động nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu
- Nắm được chính sách Chính phủ sử dụng trong quản lý nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu những năm vừa qua.
- Tìm hiểu những cam kết của Việt Nam khi ra nhập WTO và phương hướng quản lý trong thời gian tới.

➤ Đối tượng, phạm vi:

Đối tượng: Các loại chất dẻo nguyên liệu

Phạm vi: - Địa bàn nghiên cứu: Việt Nam

- Thời gian: Năm 2009- nay

➤ Dự kiến kết quả:

Sau khi hoàn thành đề tài nghiên cứu này em đã nắm bắt được rất nhiều kiến thức về quản lý nhập khẩu nói chung và ngành chất dẻo nước ta nói riêng. Với những kiến thức đã nắm được sẽ giúp ích rất nhiều trong nghiệp vụ sau này. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của thầy cô để tài liệu được hoàn thiện hơn! Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1: CHÍNH SÁCH VÀ CÁC CÔNG CỤ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH NHẬP KHẨU

1.1. VAI TRÒ CỦA NHẬP KHẨU

Nhập khẩu là việc quốc gia này mua hàng hóa và dịch vụ từ quốc gia khác. Nói cách khác, đây chính là việc nhà sản xuất nước ngoài cung cấp hàng hóa và dịch vụ cho người cư trú trong nước.

Hai loại nhập khẩu:

- Nhập khẩu bổ sung: Nhập khẩu những hàng hóa mà trong nước sản xuất được hoặc sản xuất không đủ đáp ứng nhu cầu.
- Nhập khẩu thay thế: Nhập khẩu những hàng hóa mà sản xuất trong nước không có lợi.

Trong điều kiện nền kinh tế nước ta hiện nay, vai trò quan trọng của nhập khẩu được thể hiện ở các khía cạnh sau đây:

- Tạo điều kiện thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá đất nước.
- Bổ sung kịp thời những mặt cân đối của nền kinh tế đảm bảo phát triển kinh tế cân đối và ổn định.
- Nhập khẩu góp phần cải thiện và nâng cao mức sống của nhân dân. Ở đây, nhập khẩu vừa thoả mãn nhu cầu trực tiếp của nhân dân về hàng tiêu dùng, vừa đảm bảo đầu vào cho sản xuất, tạo việc làm ổn định cho người lao động.
- Nhập khẩu có vai trò tích cực đến thúc đẩy xuất khẩu. Sự tác động này thể hiện ở chỗ nhập khẩu tạo đầu vào cho sản xuất hàng xuất khẩu, tạo môi trường thuận lợi cho việc xuất khẩu hàng Việt Nam ra nước ngoài, đặc biệt là nước nhập khẩu.

Chính sách nhập khẩu của Việt Nam:

- Nhập khẩu vật tư là chủ yếu (xăng dầu, sắt thép, dụng cụ phụ tùng, bông sợi).
- Nhập khẩu hàng tiêu dùng thiết yếu trong nước không sản xuất được hoặc sản xuất không đáp ứng được nhu cầu, hạn chế tối đa nhập khẩu hàng xa xỉ.
- Nhập khẩu thiết bị toàn bộ, dây chuyền sản xuất tiên tiến có tính chất đổi mới công nghệ, đặc biệt ưu tiên nhập khẩu kĩ thuật, công nghệ để sản xuất

hàng xuất khẩu.

- Khuyến khích nhập khẩu hàng phi mậu dịch.

1.2. NHỮNG NGUYÊN TẮC VÀ CHÍNH SÁCH NHẬP KHẨU

1.2.1. Sử dụng vốn nhập khẩu tiết kiệm, hợp lí, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

a) Sử dụng vốn nhập khẩu tiết kiệm đem lại hiệu quả kinh tế cao

Đây là chỉ tiêu của mọi quốc gia, đặc biệt quan trọng đối với Việt Nam do nguồn vốn ngoại tệ của nước ta quá ít mà nhu cầu lại quá lớn

Yêu cầu:

- Xác định cơ cấu hàng nhập khẩu một cách hợp lí đối với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và khoa học kỹ thuật của Việt Nam.

- Khi sử dụng nguồn vốn nhập khẩu cần tiết kiệm, mặt hàng cần trước thì nhập trước, mặt hàng nào cần sau thì nhập sau, chưa cần ngay hoặc trong nước sản xuất được thì kiên quyết không nhập khẩu.

- Khi nhập khẩu phải nghiên cứu thị trường để nhập được hàng tốt, giá phù hợp, kịp thời, phù hợp về chủng loại, nhanh chóng phát huy tác dụng đầy mạnh sản xuất nâng cao đời sống nhân dân.

b) Nhập khẩu thiết bị, máy móc tiên tiến, hiện đại và phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

* Tiêu chuẩn máy móc thiết bị tiên tiến, hiện đại:

- Năng suất lao động
- Mức tiêu hao nguyên vật liệu
- Chất lượng (độ bền, độ tin cậy)
- Độ ô nhiễm môi trường

* Phù hợp với điều kiện Việt Nam: Về vốn nhập khẩu, trình độ quản lý và sử dụng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và khoa học kỹ thuật trong và ngoài nước, phù hợp với các chính sách khu vực, với thời tiết khí hậu Việt Nam.

c) Nhập khẩu phải bảo vệ và thúc đẩy sản xuất phát triển, tăng xuất khẩu

* Nhập khẩu bảo vệ và thúc đẩy sản xuất

Do cơ sở vật chất – kỹ thuật còn yếu kém, máy móc lạc hậu. Vì vậy cần phải nhập khẩu để phát triển sản xuất.

Do ảnh hưởng của cách mạng khoa học kỹ thuật, cung thế giới tăng và lớn

hơn mức cầu thế giới. Mặt khác, các ngành sản xuất của Việt Nam còn non trẻ, sản phẩm kém tính cạnh tranh nên cần phải có chính sách bảo hộ. Tuy nhiên không nên bảo hộ bằng bất kì giá nào.

Nguyên tắc này đã được pháp lệnh hóa thành danh mục hàng cấm, hàng quản lý hạn ngạch, bằng kế hoạch định hướng và quản lý các cơ quan chuyên ngành mà hàng năm Nhà nước công bố. Tuy nhiên cần hạn chế một cách hợp lý.

* Nhập khẩu làm tăng xuất khẩu

Sản xuất phát triển → hàng hóa tăng → xuất khẩu tăng → nhập khẩu tăng → sản xuất tăng.

Ngoài ra còn những nguyên tắc sau:

- Lấy nhập khẩu kéo xuất khẩu: dung hàng tồn kho đổi lấy hàng tồn kho
- Lấy xuất khẩu để kéo nhập khẩu: dung hàng quý hiếm đổi lấy hàng quý hiếm
- Lấy nhập khẩu để nuôi xuất khẩu: muốn xuất khẩu phải có nguồn lực sản xuất
- Lấy nhập khẩu để chống nhập khẩu: nhập khẩu công nghệ sản xuất → chống nhập khẩu thành phẩm từ nước ngoài.

1.2.2. Chính sách quản lý nhập khẩu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

1.2.2.1. Thuế nhập khẩu

a) Khái niệm:

Thuế quan là một khoản tiền mà chủ hàng xuất khẩu, nhập khẩu hoặc quá cảnh phải nộp cho cơ quan hải quan của một nước.

Thuế nhập khẩu chính là loại thuế đánh vào hàng hóa nhập khẩu.

b) Mục đích:

- Thuế nhập khẩu góp phần vào việc bảo hộ và phát triển sản xuất thông qua việc tăng giá sản xuất hàng hóa nội địa của hàng nhập khẩu.
- Thuế nhập khẩu tạo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.
- Thuế nhập khẩu góp phần điều tiết hoạt động nhập khẩu và hướng dẫn tiêu dùng trong nước.
- Thuế nhập khẩu là công cụ phân biệt đối xử trong thương mại, gây áp lực đòi các bạn hàng nhượng bộ trong đàm phán.
- Giảm thuế quan góp phần thực hiện chính sách tự do hóa thương mại, là biện pháp quan trọng để đẩy nhanh tiến trình hội nhập khu vực và thế giới kinh tế.

- Tiết kiệm ngoại tệ do hạn chế nhập khẩu, cải thiện được cán cân thanh toán quốc tế.

- Phân bổ lại lợi ích kinh tế - xã hội.

c) Những hạn chế khi áp dụng mức thuế suất quá cao

- Gây ra tình trạng độc quyền đối với sản xuất trong nước, làm cho hàng hóa sản xuất trong nước mất khả năng cạnh tranh.

- Gây ra tình trạng trốn lậu thuế và gian lận thương mại, ảnh hưởng tới người tiêu dùng.

- Gây ra tâm lí sính hàng ngoại.

→ Vấn đề: Cần xây dựng một mức thuế hợp lí, đảm bảo được quyền lợi của Nhà nước, người sản xuất, người kinh doanh và người tiêu dùng.

d) Giá tính thuế và biện pháp tính thuế.

- Các phương pháp tính thuế:

Cách 1: Theo giá trị

Cách 2: Theo đơn vị (áp dụng với những mặt hàng giá trị nhỏ)

Cách 3: Hỗn hợp: Thuế = Số lượng x Giá tính thuế nhập khẩu

- Giá tính thuế:

Hai phương pháp xác định trị giá: Trị giá Brussels và trị giá GATT

e) Biểu thuế

- Khái niệm: Biểu thuế là một bảng phân loại có hệ thống với tất cả các hàng hóa thuộc diện chịu thuế đi qua khu vực hải quan của một nước.

- Phân loại biểu thuế: 2 loại:

+ Biểu thuế đơn: Là biểu thuế trong đó 1 loại hàng hóa chỉ ghi 1 mức thuế.

+ Biểu thuế kép: Một loại hàng hóa ghi từ 2 mức thuế trở lên

• Mức thông thường: Là mức thuế đánh vào các hàng hóa không phân biệt xuất xứ.

• Mức ưu đãi: Là mức thuế thấp hơn mức thông thường một tỉ lệ nào đó tùy thuộc vào mối quan hệ giữa nước chủ nhà với nước đối tác.

Hiện nay ở Việt Nam sử dụng 3 loại thuế suất sau:

- Thuế suất ưu đãi MFN: áp dụng với hàng hóa nhập khẩu theo các hiệp định thương mại đã kí kết giữa hai chính phủ, trong đó có điều khoản ưu đãi về xuất nhập khẩu.

- Thuế suất ưu đãi đặc biệt (áp dụng với các nước ASEAN).

- Thuế suất thông thường (bằng 150% thuế suất ưu đãi): đánh chung cho các loại hàng hóa.

Để được hưởng ưu đãi, nhà nhập khẩu phải có hợp đồng hợp pháp hợp lệ và có giấy chứng nhận xuất xứ C/O.

Các trường hợp miễn thuế, giảm thuế và hoàn lại thuế:

- Miễn thuế: + Hàng viện trợ không hoàn lại
- + Hàng tạm nhập tái xuất
- + Hàng là tài sản di của công dân Việt Nam đi công tác và học tập, đi lao động và hợp tác mang theo hoặc gửi về trong mức quy định.
- + Hàng nhập khẩu của các cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế được hưởng tiêu chuẩn miễn trừ.
- Hàng được xét miễn thuế:
 - + Hàng nhập khẩu phục vụ an ninh quốc phòng, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo.
 - + Hàng là vật tư nguyên liệu phục vụ gia công xuất khẩu.
 - + Hàng là quà tặng, quà biếu.
 - + Hàng nhập khẩu của xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong trường hợp khuyến khích đầu tư.
- Hàng được hoàn lại thuế: + Hàng là vật tư, nguyên liệu để sản xuất xuất khẩu.
- + Hàng tạm nhập tái xuất.

Tính chất bảo hộ của thuế quan:

- Bảo hộ danh nghĩa: Là việc chỉ đơn thuần đánh thuế vào hàng nhập khẩu, làm cho giá hàng ngoại nhập giảm sức cạnh tranh so với hàng hóa trong nước, từ đó bảo hộ sản xuất nội địa.
- Bảo hộ thực sự: Là việc không chỉ đơn thuần là đánh thuế nhập khẩu mà còn đánh thuế nguyên vật liệu để sản xuất hàng.

1.2.2.2. Các biện pháp quản lý phi thuế

a) Biện pháp hạn chế định lượng

*Cấm nhập khẩu:

Ở Việt Nam hàng cấm nhập khẩu nhằm mục đích đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Ngoài ra Việt Nam còn cấm nhập khẩu một số hàng nhằm bảo hộ sản xuất trong nước. Hàng cấm nhập khẩu được Chính phủ công bố hàng năm, có giá trị cho năm đó hoặc cho một số năm

*Hạn ngạch nhập khẩu:

- Hạn ngạch nhập khẩu là quy định của Nhà nước về số lượng hoặc giá trị một mặt hàng nhập khẩu nào đó trong một thời gian nhất định.

- Hạn ngạch nhập khẩu thường là một hình thức hạn chế về số lượng và thuộc hệ thống giấy phép không tự động.
- Khi hạn ngạch quy định cho cả mặt hàng và thị trường thì hàng hoá đó chỉ được nhập khẩu từ thị trường đã định với số lượng bao nhiêu, trong thời gian bao lâu.
- Thường hạn ngạch nhập khẩu được áp dụng bằng cách cấp giấy phép nhập khẩu cho một số công ty

Các hạn ngạch hạn chế nhập khẩu khác:

- Hạn ngạch thuế quan (Tariff quotas): Hạn ngạch thuế quan là cắt giảm thuế quan đối với một số lượng hàng nhập khẩu nhất định. Hàng nhập khẩu vượt quá định mức này phải nộp thuế cao hơn.
- Hạn ngạch thuế quan mở cửa thị trường tối thiểu (minimum access tariff quotas)

Hạn ngạch thuế quan mở cửa thị trường tối thiểu là một cơ chế dành mức tối thiểu mở cửa thị trường đối với những hàng nông sản mà các biện pháp phi thuế quan đã được chuyển thành thuế quan

- Hạn ngạch thuế quan theo mức độ mở cửa hiện hành (current access tariff quotas)

Hạn ngạch thuế quan theo mức độ mở cửa hiện hành mô tả các cơ hội mở cửa thị trường cho hàng nông sản khi các biện pháp phi thuế quan được chuyển thành phi thuế quan.

* Giấy phép nhập khẩu hàng hoá

Giấy phép nhập khẩu hàng hoá là một biện pháp quản lý nhập khẩu.

Nhưng giấy phép nhập khẩu khác với hạn ngạch là được áp dụng rộng rãi hơn.

Giấy phép nhập khẩu hàng hoá có hai loại thường gặp:

- + Giấy phép tự động: Người nhập khẩu xin phép nhập khẩu thì cấp ngay không cần đòi hỏi gì cả.
- + Giấy phép không tự động: Loại giấy phép này muốn xin nhập khẩu phải có hạn ngạch nhập khẩu và hoặc bị ràng buộc bởi các hạn chế khác về nhập khẩu. Các doanh nghiệp chỉ được phép ký hợp đồng nhập khẩu các mặt hàng thuộc loại này khi có giấy phép nhập khẩu của Bộ Thương mại hoặc Bộ chuyên ngành.

b) Quyền kinh doanh của các doanh nghiệp

Quyền kinh doanh nhập khẩu:

Việc cấp giấy phép kinh doanh cho doanh nghiệp được quy định tại nghị định số 37/CP ngày 19/4/1994 và nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998.

Đầu mối nhập khẩu:

Trong cơ chế quản lý nhập khẩu của Việt Nam, có một số mặt hàng Nhà nước quy định chỉ được nhập khẩu thông qua một số doanh nghiệp nhất định được Nhà nước cho phép (đầu mối nhập khẩu).

Mục đích việc quy định đầu mối nhập khẩu là góp phần đảm bảo cung cầu, ổn định xã hội, sức khỏe của cộng đồng và bảo hộ sản xuất trong nước.

c) Các rào cản kỹ thuật: - Các quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn

- Kiểm định động, thực vật

- Các yêu cầu về nhãn mác hàng hóa

d) Các biện pháp liên quan đến đầu tư nước ngoài

- Yêu cầu về tỉ lệ nội địa hóa

- Yêu cầu tỉ lệ xuất khẩu bắt buộc

- Yêu cầu phải gắn với phát triển nguồn nguyên liệu trong nước

e) Quản lý điều tiết nhập khẩu thông qua các hoạt động dịch vụ

- Dịch vụ phân phối

- Dịch vụ tài chính ngân hàng:

+ Hạn chế trong giao dịch thanh toán

+ Hạn chế trong sử dụng ngoại tệ

+ Quản lý vay ngoại tệ

+ Các dịch vụ khác như giám định hàng hóa, dịch vụ vận tải, dịch vụ khai báo và tính thuế...

f) Các biện pháp quản lý hành chính

- Đặt cọc nhập khẩu

- Hàng đổi hàng

- Thủ tục hải quan

- Mua sắm chính phủ

- Quy tắc xuất xứ

g) Các biện pháp bảo vệ thương mại tạm thời

Ở Việt Nam, Điều 11 – Luật thuế xuất nhập khẩu 2005 quy định, ngoài việc chịu thuế nhập khẩu, hàng hóa còn phải áp dụng một trong những biện pháp về thuế sau để đáp lại hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong

thương mại quốc tế:

- Tăng mức thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu quá mức vào Việt Nam theo quy định của pháp luật về tự vệ trong nhập khẩu.
- Thuế chống phá giá: áp dụng trong trường hợp hàng hóa vào Việt Nam mà giá bán quá thấp so với giá thông thường do được bán phá giá gây khó khăn cho sự phát triển ngành tương tự của nước ta.
- Thuế chống trợ cấp
- Thuế chống phân biệt đối xử.

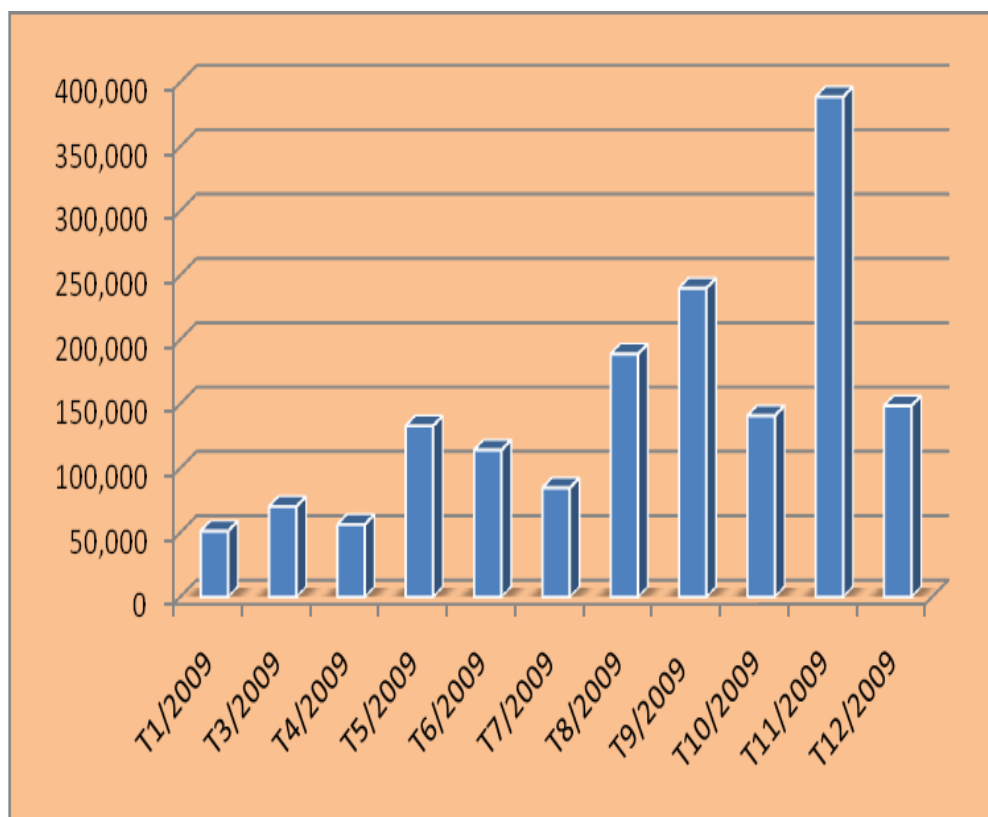
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG NHẬP CHẤT DẸO NGUYÊN LIỆU TỪ HÀN QUỐC

2.1. ĐÁNH GIÁ VỀ LƯỢNG CHẤT DẸO NGUYÊN LIỆU NHẬP KHẨU

Năm 2008, nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu tăng mạnh trong những tháng đầu năm, cùng với đó, giá cũng trong xu hướng tăng. Nhưng vào cuối năm, giá cả và khối lượng nhập khẩu đều giảm đáng kể. Chỉ tính riêng trong tháng 12/2008, kim ngạch nhập khẩu chỉ đạt 212 triệu USD, bằng 70% của tháng 7 (là tháng có kim ngạch nhập khẩu đạt lớn nhất), giá nhập khẩu trung bình cũng giảm còn 1.100 USD/T. Hoạt động xuất khẩu các sản phẩm nhựa sẽ khó khăn hơn do tác động của suy giảm kinh tế toàn cầu, tiêu thụ trong nước cũng chậm lại nên nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu trong năm 2009 tất yếu cũng sẽ bị chững lại và giá nhập khẩu cũng sẽ giảm đáng kể.

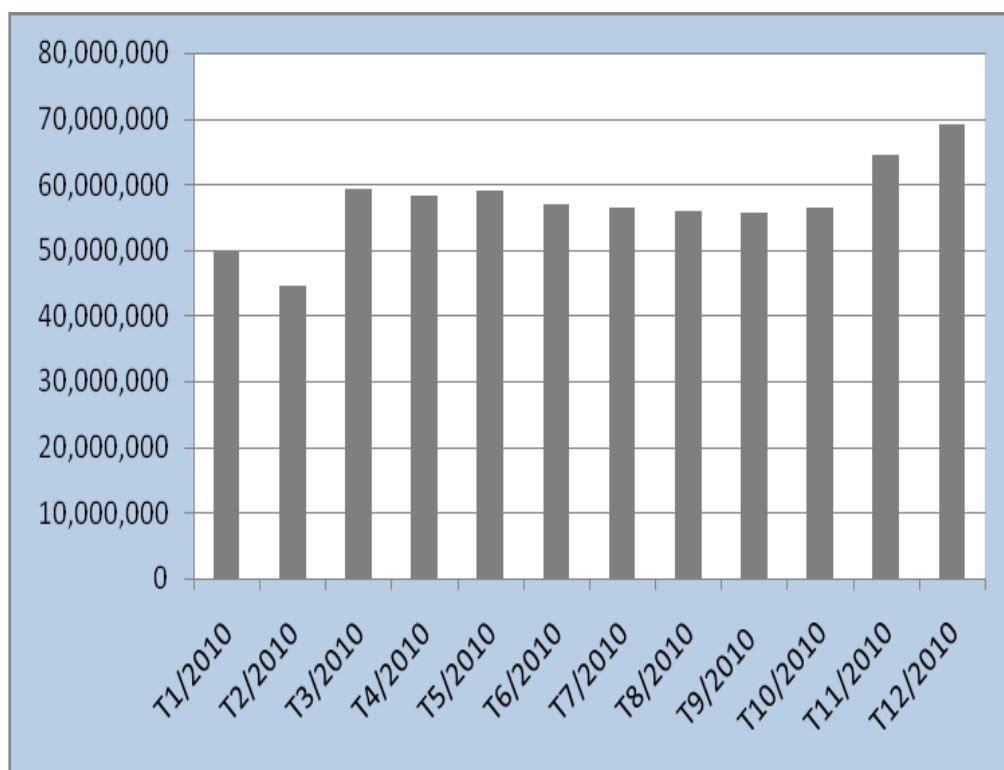
Trong năm 2009, dự báo Việt Nam sẽ nhập khẩu khoảng 1,85 triệu tấn chất dẻo nguyên liệu đạt 2,68 tỉ USD, tăng 6,3% về lượng nhưng giảm 8,6% về trị giá so với năm 2008. Còn theo số liệu thống kê thực tế từ Tổng cục Hải quan, riêng trong tháng 2/2009 nước ta đã nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu đạt 292 triệu USD, tăng 161,14% so với tháng trước và tăng 49,66% so với cùng kỳ năm 2008. Tính chung, 2 tháng đầu năm 2009, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này đạt 403,8 triệu USD, giảm nhẹ 14,18% so với 2 tháng đầu năm 2008.

Về thị trường và chủng loại nhập khẩu: Trong tháng 2/2009, khối lượng nguyên liệu nhựa nhập khẩu từ châu Á tăng mạnh, tăng 76,9%, nhập khẩu từ Trung Đông cũng tăng 47,9%. Ngược lại nhập khẩu từ châu Âu lại giảm 21,4%, với mức tăng nhập khẩu 43,48% so với tháng trước, Hàn Quốc đã trở thành nhà cung cấp nguyên liệu nhựa lớn nhất của nước ta trong tháng 2/2009. Tính chung 2 tháng đầu năm thị trường này đã cung cấp cho Việt Nam 53,8 nghìn tấn nguyên liệu nhựa các loại. Các loại nhựa được nhập khẩu nhiều từ Hàn Quốc là PP, PE, PS, polyester, PET.



Theo số liệu thống kê, nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu của Việt Nam tháng 8/2010 đạt 224 nghìn tấn với kim ngạch 275,9 triệu USD, tăng 7,4% về lượng nhưng giảm 26,2% về trị giá so với tháng trước, tăng 11,6% về lượng và tăng 2,3% về trị giá so với cùng tháng năm ngoái, nâng tổng lượng chất dẻo nguyên liệu nhập khẩu 8 tháng đầu năm 2010 đạt 1,5 triệu tấn với kim ngạch 2,4 tỉ USD, tăng 6% về lượng và tăng 37,3% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái, chiếm 4,5% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của cả nước 8 tháng đầu năm 2010.

Hàn Quốc là thị trường dẫn đầu về kim ngạch cung cấp chất dẻo nguyên liệu cho Việt Nam 8 tháng đầu năm 2010, đạt 279,6 nghìn tấn với kim ngạch 443 triệu USD, tăng 4,3% về lượng và tăng 41,2% về trị giá so với cùng kỳ, chiếm 18,6% trong tổng kim ngạch; đứng thứ hai là Đài Loan đạt 231 nghìn tấn với kim ngạch 379 triệu USD, tăng 8,5% về lượng và tăng 35,1% về trị giá so với cùng kỳ, chiếm 15,9% trong tổng kim ngạch



Kim ngạch nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu giảm trong tháng 2/2011 (Mar 31, 2011)

Theo Hiệp hội Nhựa Việt Nam, tính chung 2 tháng đầu năm 2011, nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu đạt 359,8 nghìn tấn, trị giá đạt 645,4 triệu USD, tăng mạnh so cùng kỳ năm 2010, tăng lần lượt 20,3% và 42,1%.

Nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu sẽ tăng mạnh trở lại trong tháng 3 tới do tình hình sản xuất đã đi vào ổn định, nhu cầu tiêu thụ đối với các sản phẩm nhựa tăng cao.

Trong tháng 2/2011, nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu từ các thị trường trên thế giới giảm mạnh so tháng trước do ảnh hưởng bởi kỳ nghỉ Tết kéo dài. Theo thống kê từ Tổng cục Hải quan, tháng 2/2011 nước ta nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu từ 28 thị trường, trong đó có tới 20 thị trường giảm về lượng và trị giá. Cụ thể:

Nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu từ các thị trường lớn giảm thấp:

Hàn Quốc vẫn là thị trường dẫn đầu về lượng và trị giá nhập khẩu trong tháng 2/2011, đạt lần lượt là 33,4 nghìn tấn và 63,2 triệu USD, giảm 6,7% về lượng và 0,1% về trị giá so tháng trước. So cùng kỳ năm trước, nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu từ Hàn Quốc vẫn tăng 20,7% về lượng và tăng 41,8% về trị giá.

Thống kê 2 tháng đầu năm, nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu từ thị trường này đạt 60,7 nghìn tấn, trị giá 94,6 triệu USD, tăng lần lượt 14% và 33,8% so cùng kỳ năm 2010.

Các mặt hàng nhập khẩu chính từ thị trường Hàn Quốc hiện nay vẫn chủ yếu là PE, PP, Polyester, PET, PS, PVC...

A rap Xeut tiếp tục giữ vững vị trí thứ 2 về lượng và trị giá chất dẻo nguyên liệu cung cấp cho thị trường Việt Nam với lượng đạt 32,1 nghìn tấn, trị giá 45,6 triệu USD. So tháng trước nhập khẩu từ thị trường này giảm 6,9% về lượng và 5,4% về trị giá. Tuy nhiên, so cùng kỳ năm 2010, nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu lại tăng rất mạnh, lần lượt tăng 127,6% và 153%. Như vậy, trong 2 tháng đầu năm nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu từ thị trường A rap Xeut đạt 66,4 nghìn tấn, trị giá 93,7 triệu USD, tăng gần 70% về lượng và 92,7% về trị giá so cùng kỳ năm 2010.

Các sản phẩm chất dẻo nguyên liệu nhập khẩu nhiều từ Arap Xeut trong tháng 2/2011 vẫn chủ yếu là PE và PP.

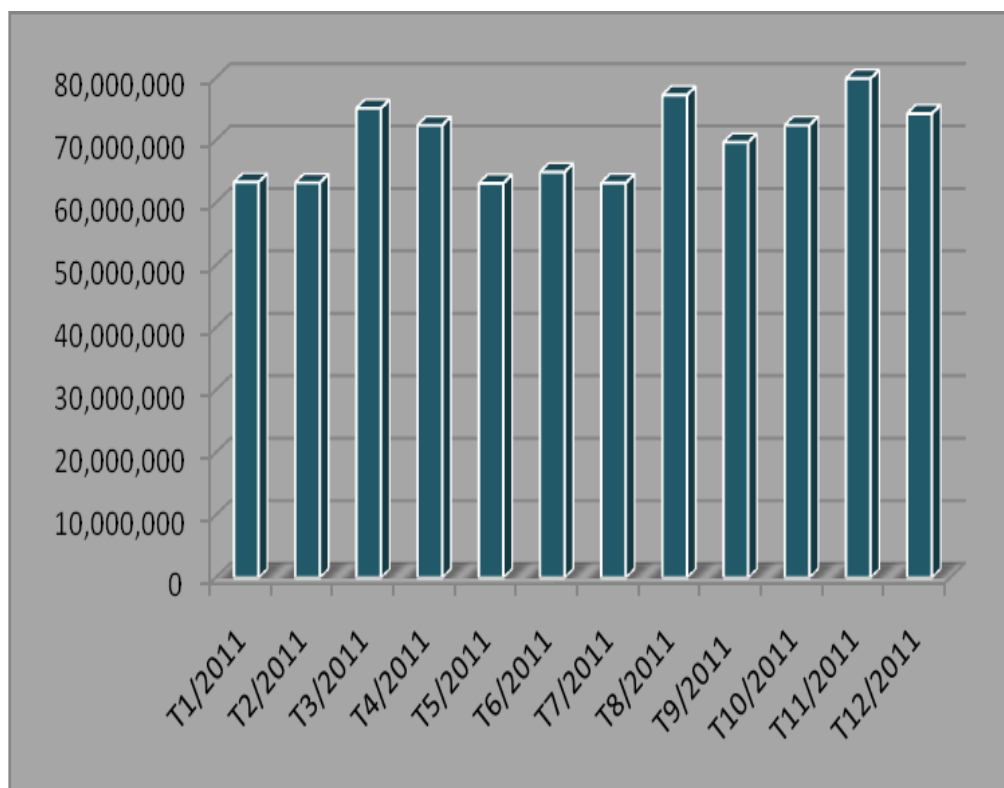
Tây Ban Nha: nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu từ thị trường này giảm 88,3% về lượng và 87,7% về trị giá so tháng trước, xuống chỉ còn 75 tấn và hơn 200 nghìn USD. So cùng kỳ năm trước, mức giảm có thấp hơn với hơn 70% về lượng và 62,7% về trị giá. Tính chung 2 tháng đầu năm 2011, nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu đạt 716 tấn với 1,8 triệu USD, giảm 3,8% về lượng nhưng vẫn tăng 16,5% về trị giá do chịu tác động bởi yếu tố giá nhập khẩu tăng cao.

Hong kong: nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu từ Hong kong đạt 410 tấn, trị giá 765,1 nghìn USD, giảm 68,9% cả về lượng và trị giá so tháng 1/2011; so cùng kỳ năm 2010 giảm lần lượt 42,3% và 29,6%. Mặc dù vậy, 2 tháng đầu năm 2011, nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu từ thị trường này vẫn tăng 44,6% về lượng và tăng tới gần 82% về trị giá so cùng kỳ, đạt 1,8 nghìn tấn, trị giá 3,4 triệu USD. Giá nhập khẩu nhựa nguyên liệu nói chung từ thị trường này cũng tăng cao trong những tháng gần đây.

Trong tháng 2/2011, Nhật Bản đã vượt qua Singapore, Malaysia, Trung Quốc và Hoa Kỳ để trở thành thị trường cung cấp chất dẻo nguyên liệu nhiều thứ 5 cho thị trường Việt Nam. Như vậy, cơ cấu thị trường cung cấp chất dẻo nguyên liệu đã bắt đầu có sự thay đổi trong tháng 2/2011.

Thống kê cho thấy, nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu từ thị trường này trong tháng 2/2011 đạt 10,1 nghìn tấn, trị giá 25,1 triệu USD, tăng 24,6% về lượng và tăng 21,5% về trị giá so tháng trước; tăng 4,3% về lượng và tăng 29,3% về trị giá so cùng kỳ năm trước. Mặc dù vậy, lượng nhập khẩu tính chung 2 tháng đầu năm từ Nhật Bản lại giảm 15,2% so cùng kỳ năm 2010, đạt 18,4 nghìn tấn; trị giá vẫn tăng 8,9% đạt 46,2 triệu USD.

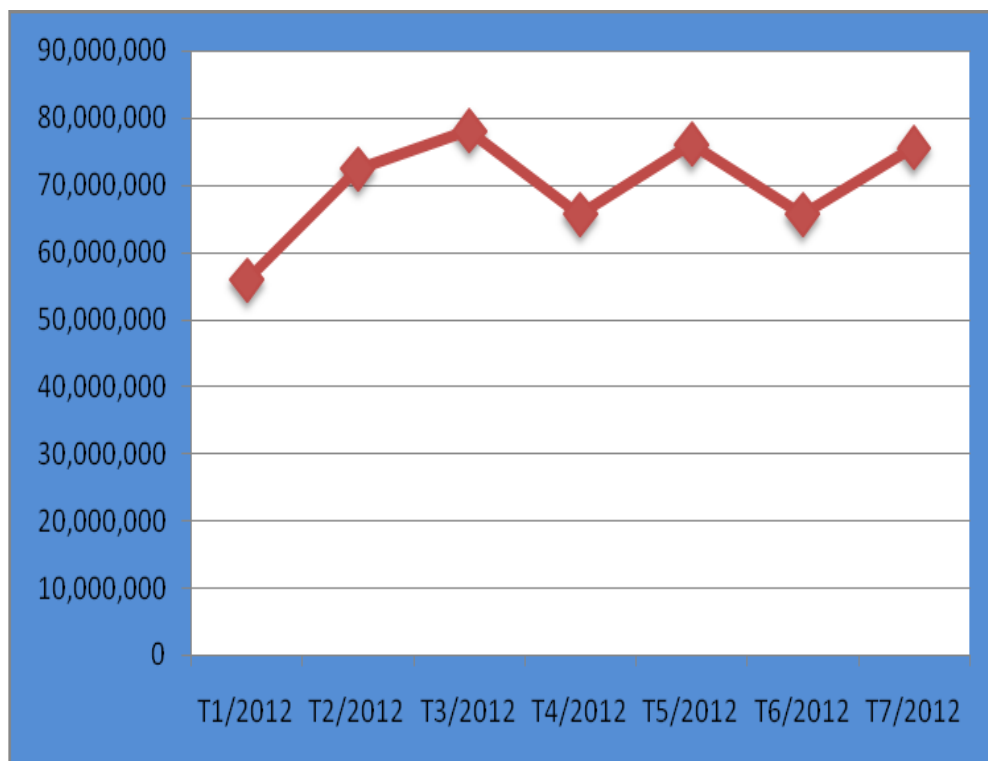
Thời gian vừa qua, song thần và động đất đã gây cho Nhật Bản những tổn thất rất nặng nề. Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình sản xuất cũng như hoạt động xuất nhập khẩu nước này. Mặc dù vậy nhưng trong tháng tới, nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu của nước ta từ Nhật Bản sẽ vẫn tăng do các đơn hàng đã được xuất đi. Tuy nhiên, trong dài hạn, nguồn cung hạn chế sẽ tác động không nhỏ đến tình hình xuất khẩu của thị trường này.



lượng nhập khẩu trong tháng 12/2012 là 231 nghìn tấn, trị giá 403 triệu USD, tăng 9,3% về lượng và 5,3% về trị giá so với tháng trước.

Tính đến hết năm 2012, cả nước nhập khẩu gần 2,74 triệu tấn chất dẻo nguyên liệu, trị giá đạt 4,8 tỷ USD, tăng 7,1% về lượng và tăng nhẹ 0,9% về trị giá so với năm 2011.

Việt Nam nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu chủ yếu từ các thị trường: Ả rập Xê út với gần 569 nghìn tấn, tăng 16%; Hàn Quốc: gần 516 nghìn tấn, tăng 17,1%



2.2. ĐÁNH GIÁ VỀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH

2.2.1 Chính sách quản lý chung

Năm 1989, cơ chế xuất nhập khẩu đã được đổi mới một bước quan trọng, đem lại những kết quả nhất định, đồng thời cũng cho thấy những bộc lộ mới, cần được tiếp tục chấn chỉnh đổi mới theo những hướng cơ bản trong Nghị định 64-HĐBT ngày 10-6-1989 của Hội đồng Bộ trưởng. Để chuẩn bị xây dựng chính sách và cơ chế quản lý hoạt động xuất, nhập khẩu phù hợp với tình hình mới của kế hoạch 5 năm tiếp theo, trong năm 1990, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng chỉ thị các Bộ liên quan chỉ đạo thi hành một số việc dưới đây:

a) Phương thức thanh toán tiền hàng xuất, nhập khẩu theo nghị định thư Bộ Tài chính chủ trì cùng Ngân hàng Nhà nước và Bộ Thương nghiệp nghiên cứu, trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng trong đầu quý IV năm 1990 một cơ chế hoàn chỉnh về thanh toán tiền hàng xuất, nhập khẩu theo nguyên tắc: nguồn vốn thanh toán tiền hàng xuất khẩu được thực hiện từ ngân sách Nhà nước; tiền thanh toán hàng nhập khẩu do các chủ hàng nội

địa chịu trách nhiệm thanh toán, thông qua kế hoạch và hợp đồng nhập khẩu ký với chủ hàng nhập khẩu. Trường hợp do ngân sách chi trả thì phải được phản ánh rõ trong kế hoạch tài chính của ngành, đơn vị và phải được bố trí trong ngân sách Nhà nước của năm kế hoạch; Ngân hàng là trung tâm thanh toán giữa ngân sách với chủ hàng nhập khẩu, xuất khẩu, đồng thời cũng là trung tâm thanh toán giữa chủ hàng nhập khẩu với đơn vị sử dụng hàng nhập khẩu; giữa chủ hàng xuất khẩu với đơn vị kinh doanh hàng xuất khẩu.

Trong năm 1990, việc thanh toán thực hiện như sau:

+ Đối với hàng nhập khẩu

Từ nay, khi hàng nhập về đến cảng, căn cứ vào danh sách chủ hàng nhập khẩu (đơn vị ký hợp đồng nhập khẩu với bên ngoài) và tỷ giá thanh toán từng nhóm hàng nhập theo quy định hiện hành, Ngân hàng ngoại thương trích tài khoản tiền gửi thanh toán của chủ hàng nhập khẩu chuyển vào tài khoản tiền gửi của ngân sách.

Trường hợp chủ hàng nhập khẩu không đủ vốn thanh toán thì ngân hàng ngoại thương cho vay để chuyển trả đủ ngân sách; lãi suất vay được áp dụng theo mức lãi suất ưu đãi đã được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng duyệt. Sau 15 ngày, kể từ ngày chủ hàng nội địa (đơn vị lên đơn hàng nhập khẩu) nhận được thông báo của chủ hàng nhập khẩu về việc hàng đã về cảng, nếu các chủ hàng nội địa không đến nhận hàng và thanh toán cho chủ hàng nhập khẩu theo hợp đồng đã ký, thì chủ hàng nhập khẩu được phép tổ chức việc tiêu thụ khối lượng hàng nhập đó trên nguyên tắc bảo đảm đủ nguồn thu cho ngân sách.

b) Quản lý hoạt động kinh doanh nhập khẩu

+ Đối với một số hàng hoá cần quản lý bằng hạn ngạch: Căn cứ nhu cầu tiêu thụ của thị trường trong và ngoài nước, sau khi tham khảo ý kiến các địa phương, căn cứ kế hoạch sản xuất của các xí nghiệp sản xuất trong nước và các Hiệp hội xuất, nhập khẩu hữu quan, Bộ trưởng các Bộ là người chịu trách nhiệm đưa ra kế hoạch về số lượng hàng hoá cần xuất, cần nhập đối với các mặt hàng cần định hạn ngạch thuộc ngành mình sản xuất hoặc cung ứng.

Căn cứ kế hoạch nói trên của các Bộ, Ủy ban kế hoạch Nhà nước chịu trách nhiệm xem xét, tổng hợp trên cơ sở cân đối chung của nền kinh tế quốc dân và khả năng thanh toán quốc tế của Nhà nước trong năm kế

hoạch, trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng xét duyệt hạn ngạch những mặt hàng có quan hệ trực tiếp đến những cân đối lớn của nền kinh tế quốc dân cần xuất, nhập khẩu.

Bộ Thương nghiệp chịu trách nhiệm bàn với các Hiệp hội xuất nhập khẩu các ngành hàng và phân bổ hạn ngạch đã được duyệt cho các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu.

Các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu, phân bổ hạn ngạch cho các đơn vị đã được quyền kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp.

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Thương nghiệp và các Bộ sản xuất chỉ đạo chặt chẽ việc thực hiện quy trình trên để việc xét duyệt các chỉ tiêu, danh mục các mặt hàng chủ yếu được thực hiện xong trong quý IV hàng năm trước năm kế hoạch.

Đối với năm 1990, trong khi Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng xem xét, duyệt chỉ tiêu, danh mục các mặt hàng cần phải quản lý bằng hạn ngạch, Bộ Thương nghiệp bàn với các Bộ, ngành sản xuất hữu quan để cấp hạn ngạch ở mức nhu cầu đã cấp trong năm 1989 (bao gồm cả hàng nhập để bán thu ngoại tệ) đối với 7 mặt hàng xuất và 12 mặt hàng nhập.

Đối với các hàng hoá bán tại các cửa hàng bán thu ngoại tệ thuộc danh mục hàng hoá quản lý bằng hạn ngạch, từ ngày 1 tháng 5 năm 1990 áp dụng theo cơ chế quản lý chung đối với các mặt hàng cần quản lý bằng hạn ngạch.

+ Đối với các loại hàng hoá không quản lý bằng hạn ngạch, các đơn vị kinh doanh xuất nhập khẩu được đăng ký mặt hàng số lượng và thị trường mua bán tại Bộ Thương nghiệp. Bộ Thương nghiệp có trách nhiệm tổng hợp và trao đổi ý kiến với Ủy ban kế hoạch Nhà nước để cân đối chung với sản xuất và nhu cầu trong nước để cấp giấy phép xuất nhập khẩu, điều hoà quan hệ cung cầu.

Đối với một số mặt hàng nhập trong từng thời gian có chênh lệch giá cao (như xe gắn máy, ô tô du lịch các loại) trong khi chờ đợi sự điều chỉnh hợp lý mức thuế nhập khẩu, Bộ Thương nghiệp bàn với Bộ Tài chính được thu một khoản phụ thu (ngoài phần thuế nhập khẩu theo chính sách hiện hành) nộp ngân sách Nhà nước.

Bộ Thương nghiệp bàn với các Bộ sản xuất hữu quan và các địa phương có khả năng để tích cực xúc tiến tổ chức liên doanh với nước ngoài về lắp ráp xe gắn máy và ô tô các loại, giảm dần mức nhập khẩu các loại hàng

này và có phần đề xuất khẩu. Sớm ban hành quy chế về nhập khẩu các loại xe này để khắc phục tình trạng nhập tràn lan, nhiều mác xe, gây bất lợi về mặt giá cả và phụ tùng thay thế, bảo dưỡng.

+ Về việc rà xét lại các biểu thuế suất hàng nhập khẩu.

Bộ Tài chính chủ trì cùng với Bộ Thương nghiệp, Ủy ban kế hoạch Nhà nước, rà xét lại các biểu thuế suất hàng hoá xuất, nhập khẩu trên nguyên tắc:

- Khuyến khích nhập khẩu các nguyên liệu, vật liệu, các thiết bị kỹ thuật tiên tiến để sản xuất, chế biến các mặt hàng tiêu dùng nội địa và hàng xuất khẩu; các mặt hàng tiêu dùng phổ biến có nhu cầu mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất chưa đáp ứng nhu cầu.

-Đối với những mặt hàng chỉ có nhu cầu tiêu dùng ở những người có thu nhập cao, những mặt hàng phải hạn chế tối đa việc nhập khẩu thì áp dụng mức thuế suất cao khi nhập khẩu, hoặc cần nhập trong từng thời gian.

c) Tổ chức hoạt động kinh doanh nhập khẩu

Hệ thống các tổ chức kinh doanh nhập khẩu trực tiếp với bên ngoài cần được sắp xếp, chấn chỉnh theo nguyên tắc:

Đối với các mặt hàng nhập có hạn ngạch và các mặt hàng nhập: xăng, dầu, sắt, thép, bông nguyên liệu, phân bón, thuốc trừ sâu, xi măng và đường, việc nhập khẩu thực hiện chủ yếu là qua các tổ chức kinh doanh xuất, nhập khẩu trực tiếp thường xuyên. Trong một số trường hợp đặc biệt, phải có quyết định của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Bộ trưởng các Bộ Thương nghiệp, Tài chính, Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước, Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch Nhà nước chịu trách nhiệm tổ chức thi hành ngay Chỉ thị này theo phạm vi trách nhiệm của từng Bộ, cơ quan

2.2.2 Các giải pháp, chính sách chủ yếu

- Xuất nhập khẩu, phát triển thị trường:

+ Bảo vệ thị trường nội địa bằng các hàng rào kỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng, môi trường hợp pháp nhằm ngăn chặn sự xâm nhập của sản phẩm kém chất lượng, không bảo đảm an toàn vào thị trường Việt Nam

- + Tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật để hoàn thiện thị trường các sản phẩm thép, tạo liên kết chặt chẽ, chia sẻ lợi nhuận và cộng đồng trách nhiệm giữa nhà sản xuất với nhà kinh doanh thép
- + Hoàn thiện chính sách, pháp luật và tăng cường năng lực thực hiện pháp luật về cạnh tranh, chống độc quyền, chống liên kết lũng đoạn thị trường, chống bán phá giá.
- Phát triển nguồn nhân lực
Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật và chất lượng đội ngũ giáo viên cho các trường đào tạo công nhân kỹ thuật để có đủ năng lực đào tạo đáp ứng nhu cầu lao động cho ngành luyện kim. Coi trọng hình thức đào tạo ở nước ngoài, mời chuyên gia nước ngoài đào tạo tại nhà máy.
- Phát triển khoa học - công nghệ
Tăng cường hợp tác quốc tế, củng cố mối quan hệ khoa học - công nghệ giữa các đơn vị sản xuất với các cơ quan nghiên cứu R&D, các trường đại học trong và ngoài nước nhằm đẩy mạnh việc chuyển giao công nghệ - kỹ thuật mới vào ngành
- Bảo vệ môi trường
- + Hạn chế, giảm thiểu mức độ gia tăng ô nhiễm. Các cơ sở sản xuất luyện kim mới đầu tư xây dựng phải áp dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến và được trang bị các thiết bị xử lý chất thải, giảm thiểu ô nhiễm đạt tiêu chuẩn môi trường.
- + Có kế hoạch di dời và đầu tư chiều sâu để giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường
- + Thực hiện kế hoạch cải tạo, tiến tới loại bỏ dần việc sử dụng các công nghệ và máy móc lạc hậu
- + Kiểm soát chặt chẽ an toàn hoá chất, khí thải, đặc biệt là những hoá chất có mức độ độc hại ở các cơ sở sản xuất, chế biến chất dẻo nguyên liệu
- Về quản lý: ban hành cơ chế, chính sách phát triển ngành chất dẻo nguyên liệu Việt Nam theo hướng khuyến khích cao và bảo hộ hợp lý đầu tư sản xuất, xây dựng các công ty, tổ chức, tập đoàn lớn
- Đẩy mạnh công tác đổi mới, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước để nâng cao năng lực cạnh tranh. Khuyến khích việc thành lập công ty cổ

phần có sự tham gia của các doanh nghiệp nhà nước, các ngành kinh tế và các thành phần kinh tế trong và ngoài nước.

→ Chính phủ đã rất nỗ lực trong việc đề ra những chính sách biện pháp phát triển, trong đó có việc quản lý nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu hợp lý không. Thông qua áp dụng hàng rào thuế quan, những công cụ phi thuế quan như giấy phép nhập khẩu, tiêu chuẩn kỹ thuật... cơ quan quản lý đã giảm thiểu phần nào sự xâm nhập tràn lan của thị trường chất dẻo nguyên liệu thế giới vào Việt Nam.

2.3. NHỮNG TỒN TẠI

2.3.1 Nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu tăng khá

a) Tình hình nhập khẩu

Theo số liệu thống kê, tháng 2-2013 Việt Nam đã nhập khẩu 173 nghìn tấn chất dẻo nguyên liệu với kim ngạch 312 triệu USD, giảm 41,4% về lượng và 38,2% về kim ngạch so với tháng 1-2013. So với tháng 2-2012, nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu giảm 31% về lượng và 26% về kim ngạch. Tuy nhiên do tháng 1-2013 nhập khẩu chất dẻo tăng mạnh so với tháng 1/2012 nên tính chung 2 tháng đầu năm 2013, lượng và kim ngạch tăng lần lượt 13,3% và 15,8% so với cùng kỳ năm trước. Tháng 3-2013, lượng nhập khẩu tăng trở lại ước đạt 280 nghìn tấn với kim ngạch 507 triệu USD, tăng 61% về lượng và 62% về kim ngạch so với tháng 2/2013.

b) Thị trường nhập khẩu

Nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu của nước ta từ các thị trường chính như Ả Rập Xê Út, Hàn Quốc... trong tháng 2/2013 đều giảm so với tháng trước. Cụ thể, so với tháng 1-2013, nhập khẩu từ Ả Rập Xê Út giảm tới 51,64% về kim ngạch, đạt 54,8 triệu USD (đứng thứ 2 sau Hàn Quốc) và chiếm 17,5% tổng kim ngạch nhập khẩu. Lượng nhập khẩu từ Ả Rập Xê Út cũng đứng thứ 2, đạt 38,2 nghìn tấn, giảm 50,8% so với tháng 1/2013.

Hàn Quốc trở lại là thị trường cung cấp chính chất dẻo nguyên liệu cho Việt Nam trong tháng 2-2013. Lượng nhập khẩu từ thị trường này đạt 42,6 nghìn tấn với kim ngạch 80,4 triệu USD, nhưng giảm 24,6% về lượng và 18,6% về kim ngạch so với tháng 1-2013. Tuy nhiên do trong tháng 1-2013 cả 2 thị trường Hàn Quốc và Ả Rập Xê Út đều tăng trưởng mạnh nên kéo theo tổng kim ngạch cả 2 tháng của 2 thị trường này tăng lần lượt là 35% và 27% so với cùng kỳ năm 2012.

Bên cạnh đó, kim ngạch nhập khẩu từ các thị trường Thái Lan, Trung Quốc, Nhật Bản trong 2 tháng đầu năm 2013 đều tăng so với năm 2012 (Trung Quốc tăng 43,39% về kim ngạch). Tổng kim ngạch nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu từ các nước thuộc khu vực châu Á chiếm 93%, như vậy các nước thuộc khu vực này tiếp tục là nơi cung cấp chính chất dẻo nguyên liệu cho Việt Nam.

c) Về chủng loại:

Nhập khẩu nhựa PE tháng 2/2013 đạt 55 nghìn tấn với trị giá 83 triệu USD, giảm 43% về lượng và giảm 41% về trị giá so với tháng trước và chiếm tỷ trọng 31,84% tổng lượng nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu của Việt Nam. Giá nhập khẩu trung bình nhựa PE đạt 1.504 USD/tấn, tăng 4,31% và được nhập nhiều từ thị trường Ả Rập Xê Út và Singapore.

Nhập khẩu nhựa PP giảm 40,08% về lượng và giảm 38,34% về trị giá so với tháng 1/2013, đạt 46,8 nghìn tấn với trị giá 72,3 triệu USD và chiếm tỷ trọng 26,95% tổng lượng nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu của Việt Nam. Hàn Quốc, Singapore, và Ả Rập Xê Út là những thị trường chính cung cấp mặt hàng này cho Việt Nam với giá trung bình đạt 1.546 USD/tấn, tăng 2,92%.

Nhập khẩu nhựa PET cũng giảm mạnh, đạt 15 nghìn tấn với trị giá 24,9 triệu USD, giảm 30,59% về lượng và giảm 26,49% về trị giá so với tháng trước và chiếm tỷ trọng 8,6% tổng lượng nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu của Việt Nam. Giá nhập khẩu trung bình tăng 5,91%, đạt 1.653 USD/tấn và được nhập chủ yếu từ thị trường Hàn Quốc.

Nhập khẩu nhựa PVC giảm rất mạnh, giảm 53,76% về lượng và giảm 49,75% về trị giá so với tháng 1/2013, đạt 10 nghìn tấn với trị giá 12,73 triệu USD và chiếm tỷ trọng 5,76% tổng lượng nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu của Việt Nam. Mặt hàng này được nhập chủ yếu từ thị trường Thái Lan với giá trung bình đạt 1.273 USD/tấn, tăng 8,68%.

Tiếp đến là nhập khẩu nhựa ABS đạt 9,2 nghìn tấn với trị giá 6,3 nghìn tấn, giảm 28,8% về lượng và giảm 26,71% về trị giá so với tháng trước, chiếm tỷ trọng 3,6% tổng lượng nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu của Việt Nam. Giá nhập khẩu trung bình đạt 2.317 USD/tấn, tăng 2,94% và được cung cấp chủ yếu từ các thị trường Đài Loan, Hàn Quốc, Malaysia và Thái Lan

2.3.2 Cần hạn chế nhập siêu sản phẩm chất dẻo

Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm chất dẻo đã tăng gần như liên tục qua các năm. Trong giai đoạn 2002 - 2012, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm chất dẻo gấp gần 11,2 lần, bình quân tăng gần 27,3%/năm. Tốc độ tăng này rất cao so với tốc độ tăng của tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

Hai tháng đầu năm 2013, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm chất dẻo đạt 268 triệu USD, tăng 19,3% so với cùng kỳ năm trước và cả năm 2013 có thể vượt lên vào nhóm những mặt hàng xuất khẩu 2 tỷ USD.

Thị trường xuất khẩu sản phẩm chất dẻo năm 2012 của Việt Nam khá rộng, trong đó một số thị trường lớn như Nhật Bản (362,3 triệu USD), Mỹ (168,4 triệu USD), Đức (107,8 triệu USD), Hà Lan (88,4 triệu USD), Indonesia (72,2 triệu USD)...

Tuy xuất khẩu sản phẩm chất dẻo tăng cao nhưng nhập khẩu chất dẻo và gần đây nhập khẩu lớn cả sản phẩm chất dẻo cũng tăng cao hơn nên dẫn tới nhập siêu về sản phẩm chất dẻo và chất dẻo khá lớn.

Cụ thể, năm 2002 nhập siêu 470 triệu USD, bằng 328,7% kim ngạch xuất khẩu. Năm 2010 nhập siêu 2720 triệu USD, bằng 260,2% kim ngạch xuất khẩu. Năm 2011 nhập siêu 3400 triệu USD, bằng 250% kim ngạch xuất khẩu. Năm 2012 nhập siêu 3208 triệu USD, bằng 201% kim ngạch xuất khẩu.

Trong 2 tháng đầu năm 2013 nhập siêu 754 triệu USD, bằng 281,3% kim ngạch xuất khẩu.

Quy mô nhập siêu trong 2 tháng đầu cảnh báo khả năng về nhập siêu cao chất dẻo và sản phẩm chất dẻo trong năm 2013.

Nhập siêu chất dẻo và sản phẩm chất dẻo cao do phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu. Tiêu thụ sản phẩm chất dẻo trong nước vừa tăng nhanh nên dẫn tới nhập siêu. Do vậy cần có giải pháp quyết liệt hơn đối với sử dụng túi ni lông với khối lượng khá lớn.

CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG NHẬP KHẨU CHẤT ĐẸO NGUYÊN LIỆU KHI VIỆT NAM THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ CAM KẾT WTO

3.1. NHỮNG CAM KẾT CỦA VIỆT NAM

Về thương mại quốc tế, mục tiêu quan trọng nhất của Việt Nam trong những năm gần đây là gia nhập WTO đã thành hiện thực. Trong thời gian tiếp theo, có lẽ mục tiêu lớn nhất của Việt Nam là phải hoàn thiện tất cả các yêu cầu mà WTO đặt ra như hoàn thiện hệ thống luật pháp, cắt giảm thuế quan, bỏ các biện pháp bảo hộ mậu dịch không được WTO cho phép... Ngoài ra, Việt Nam cũng cần nên tích cực tham gia các khu vực mậu tự do (FTA) như đã tham gia AFTA, ký các hiệp định thương mại song phương, như đã ký hiệp định thương mại Việt Mỹ (BTA),... Các biện pháp này đều có lợi cho xuất nhập khẩu Việt Nam và cũng là điều tất yếu phải làm khi hội nhập quốc tế.

Một vấn đề nữa, khi gia nhập WTO, thuế quan tất nhiên phải bị cắt giảm, thêm vào đó nhà nước không dc dùng các biện pháp bảo hộ xuất khẩu như trước kia (Việt Nam đã từng thường xuất khẩu cho gạo, chè, cà phê, hạt tiêu, thịt lợn..bù lỗ xuất khẩu cho cà phê, gạo, thịt lợn...nay đã bị cấm), hàng hóa, doanh nghiệp nước ngoài được đối xử như hàng hóa trong nước (NT), ... cùng với đó, khi gia nhập WTO, Việt Nam vẫn phải chấp nhận là nền kinh tế thị trường (Non-Market Economy) trong vòng 12 năm, điều này gây ra không ít khó khăn cho Việt Nam trong thương mại quốc tế, đặc biệt trong các vụ kiện bán phá giá như vụ kiện bán phá giá cá da trơn và tôm của Mỹ trong mấy năm trước. Những qui định này gây rất nhiều khó khăn cho hoạt động sản xuất và xuất khẩu trong nước, nhà nước cần có những biện pháp phù hợp để hỗ trợ xuất khẩu và hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong nước mà không vi phạm qui định của WTO.

Nói chung là còn nhiều việc phải làm, hội nhập là con dao 2 lưỡi, nếu không tận dụng dc thời cơ chúng ta phải lãnh những hậu quả hết sức nặng nề.

Tóm tắt cơ bản về cam kết gia nhập WTO của Việt Nam

(Website Chính phủ) - Như Website Chính phủ đã đưa tin, ngày 7/11/2006,

Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại toàn cầu (WTO), kết thúc chặng đường 11 năm với hơn 200 cuộc đàm phán song phương và đa phương đầy khó khăn, phức tạp. Để trở thành thành viên chính thức của WTO, Việt Nam đồng ý tuân thủ toàn bộ các hiệp định và các quy định mang tính ràng buộc của WTO từ thời điểm gia nhập. Tuy nhiên, do Việt Nam đang phát triển ở trình độ thấp, lại đang trong quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế bao cấp sang kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa, nên Việt Nam yêu cầu và được WTO chấp nhận lộ trình thực hiện một số cam kết có liên quan đến thuế tiêu thụ đặc biệt, trợ cấp phi nông nghiệp, quyền kinh doanh...

Về cam kết đa phương

Kết quả mà Việt Nam đàm phán được là trong khoảng thời gian 12 năm (không muộn hơn 31/12/2018) WTO chấp nhận coi Việt Nam là nền kinh tế phi thị trường. Tuy nhiên, trước thời điểm trên, nếu Việt Nam chứng minh được với đối tác nào là kinh tế Việt Nam hoàn toàn hoạt động theo cơ chế thị trường thì đối tác đó sẽ ngừng áp dụng chế độ "phi thị trường" đối với Việt Nam. Chế độ "phi thị trường" này chỉ có ý nghĩa trong các vụ kiện chống bán phá giá. Các thành viên WTO không có quyền áp dụng cơ chế tự vệ đặc thù đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam, dù Việt Nam bị coi là nền kinh tế phi thị trường.

Về dệt may, các thành viên WTO sẽ không được áp dụng hạn ngạch dệt may đối với Việt Nam khi Việt Nam vào WTO. Riêng trường hợp Việt Nam vi phạm quy định WTO về trợ cấp bị cấm đối với hàng dệt may thì sẽ được xem xét, xử lý theo quy định của WTO.

Về trợ cấp phi nông nghiệp, Việt Nam đồng ý bãi bỏ hoàn toàn các loại trợ cấp bị cấm theo quy định WTO như trợ cấp xuất khẩu và trợ cấp nội địa hóa. Tuy nhiên với các ưu đãi đầu tư dành cho sản xuất hàng xuất khẩu đã cấp trước ngày gia nhập WTO, Việt Nam được bảo lưu thời gian quá độ là 5 năm, trừ ngành dệt may.

Về trợ cấp nông nghiệp, Việt Nam cam kết không áp dụng trợ cấp xuất khẩu đối với nông sản từ thời điểm gia nhập. Tuy nhiên ta bảo lưu quyền được hưởng một số quy định riêng của WTO dành cho nước đang phát triển trong lĩnh vực này. Đối với các loại hỗ trợ mà WTO quy định phải cắt giảm, nhìn chung Việt Nam duy trì được ở mức không quá 10% giá trị sản lượng. Ngoài mức này, Việt Nam còn bảo lưu thêm một số khoản hỗ trợ

nữa vào khoảng 4.000 tỷ đồng mỗi năm. Các loại trợ cấp mang tính khuyến nông (như hỗ trợ thủy lợi) là trợ cấp "xanh", được WTO cho phép nên ta được áp dụng không hạn chế.

Về quyền kinh doanh bao gồm quyền xuất, nhập khẩu hàng hóa, tuân thủ quy định WTO, Việt Nam đồng ý cho doanh nghiệp và cá nhân nước ngoài được quyền xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa như doanh nghiệp và cá nhân người Việt Nam kể từ khi gia nhập, trừ đối với các mặt hàng thuộc danh mục thương mại nhà nước như: xăng dầu, thuốc lá điếu, xì gà, băng đĩa hình, báo, tạp chí và một số mặt hàng nhạy cảm khác mà Việt Nam chỉ cho phép sau một thời gian chuyển đổi như gạo và dược phẩm.

Việt Nam đồng ý cho phép doanh nghiệp và cá nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam được đăng ký quyền xuất nhập khẩu tại Việt Nam. Quyền xuất nhập khẩu chỉ là quyền đứng tên trên tờ khai hải quan để làm thủ tục xuất nhập khẩu. Trong mọi trường hợp, doanh nghiệp và cá nhân nước ngoài sẽ không được tự động tham gia vào hệ thống phân phối trong nước. Các cam kết về quyền kinh doanh sẽ không ảnh hưởng đến quyền của Việt Nam trong việc đưa ra các quy định để quản lý dịch vụ phân phối, đặc biệt đối với sản phẩm nhạy cảm như dược phẩm, xăng dầu, báo, tạp chí...

Về thuế tiêu thụ đặc biệt đối với rượu và bia, các thành viên WTO đồng ý cho Việt Nam thời gian chuyển đổi không quá 3 năm để điều chỉnh lại thuế tiêu thụ đặc biệt đối với rượu và bia cho phù hợp với quy định WTO.

Hướng sửa đổi là: đối với rượu trên 20 độ cồn, Việt Nam hoặc sẽ áp dụng một mức thuế tuyệt đối hoặc một mức thuế phần trăm; đối với bia, Việt Nam sẽ chỉ áp dụng một mức thuế phần trăm.

Về doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp thương mại Nhà nước, cam kết của Việt Nam trong lĩnh vực này là Nhà nước sẽ không can thiệp trực tiếp hay gián tiếp vào hoạt động của các doanh nghiệp Nhà nước. Tuy nhiên, Nhà nước với tư cách là một cổ đông được can thiệp bình đẳng vào hoạt động của doanh nghiệp như các cổ đông khác. Việt Nam cũng đồng ý không coi mua sắm của doanh nghiệp Nhà nước là mua sắm Chính phủ. Tỷ lệ cổ phần thông qua quyết định tại doanh nghiệp: Điều 52 và 104 của Luật doanh nghiệp quy định một số vấn đề quan trọng có liên quan đến hoạt động của công ty TNHH và công ty cổ phần chỉ được phép thông qua khi có số phiếu đại diện ít nhất là 65% hoặc 75% vốn góp chấp thuận.

Quy định này có thể vô hiệu hóa quyền của bên góp đa số vốn trong liên doanh. Do vậy, Việt Nam đã xử lý theo hướng cho phép các bên tham gia liên doanh được thỏa thuận vấn đề này trong điều lệ công ty.

Về một số biện pháp hạn chế nhập khẩu, Việt Nam đồng ý cho nhập khẩu xe máy phân phối lớn không muộn hơn ngày 31/5/2007. Tuy nhiên, Việt Nam bảo lưu quyền áp dụng các biện pháp như quy định độ tuổi người sử dụng và đưa ra chế độ cấp bằng lái đặc biệt. Với thuốc lá điếu và xì gà, Việt Nam đồng ý bỏ biện pháp cấm nhập khẩu từ thời điểm gia nhập. Tuy nhiên, sẽ chỉ có một doanh nghiệp Nhà nước được quyền nhập khẩu toàn bộ thuốc lá điếu và xì gà. Mức thuế nhập khẩu mà Việt Nam đàm phán được cho hai mặt hàng này là rất cao. Với ô tô cũ, Việt Nam cho phép nhập khẩu các loại xe đã qua sử dụng không quá 5 năm nhưng bảo lưu quyền áp dụng thuế nhập khẩu cao và nhiều biện pháp quản lý kỹ thuật chặt chẽ khác.

Về yêu cầu minh bạch hóa, Việt Nam cam kết ngay từ khi gia nhập sẽ công bố dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ ban hành để lấy ý kiến nhân dân. Thời hạn dành cho việc góp ý và sửa đổi tối thiểu là 60 ngày. Việt Nam cũng cam kết sẽ đăng công khai các văn bản pháp luật trên các tạp chí hoặc Website Chính phủ, website của các Bộ, ngành.

Về thuế xuất khẩu, Việt Nam chỉ cam kết sẽ giảm thuế xuất khẩu đối với phế liệu kim loại đen và màu theo lộ trình, không cam kết về thuế xuất khẩu của các sản phẩm khác.

Việt Nam còn đàm phán một số vấn đề đa phương khác như bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là sử dụng phần mềm hợp pháp trong cơ quan Chính phủ, định giá tính thuế nhập khẩu, các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại, các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch, các hàng rào kỹ thuật trong thương mại... Với các nội dung này, Việt Nam cam kết tuân thủ các quy định của WTO kể từ khi gia nhập.

Cam kết về thuế nhập khẩu

Về mức cam kết chung, Việt Nam đồng ý ràng buộc mức trần cho toàn bộ biểu thuế (10.600 dòng). Mức thuế bình quân toàn biểu được giảm từ mức hiện hành 17,4% xuống còn 13,4%, thực hiện dần trong vòng 5-7 năm. Mức thuế bình quân đối với hàng nông sản giảm từ mức hiện hành 23,5%

xuống còn 20,9%, thực hiện trong 5 năm. Với hàng công nghiệp, mức bình quân giảm từ 16,8% xuống còn 12,6%, thực hiện chủ yếu trong vòng 5-7 năm.

Đối với mức cam kết cụ thể, sẽ có khoảng hơn 1/3 số dòng của biểu thuế phải cắt giảm, chủ yếu là các dòng có thuế suất trên 20%. Các mặt hàng trọng yếu, nhạy cảm đối với nền kinh tế như nông sản, xi măng, sắt thép, vật liệu xây dựng, ô tô - xe máy... vẫn duy trì được mức bảo hộ nhất định. Những ngành có mức giảm thuế nhiều nhất bao gồm: dệt may, cá và sản phẩm cá, gỗ và giấy, hàng chế tạo khác, máy móc và thiết bị điện - điện tử. Việt Nam đạt được mức thuế trần cao hơn mức đang áp dụng đối với nhóm hàng xăng dầu, kim loại, hóa chất, phương tiện vận tải.

Việt Nam cũng cam kết cắt giảm thuế theo một số hiệp định tự do hoá theo ngành của WTO (giảm thuế xuống 0% hoặc mức thấp). Đây là hiệp định tự nguyện của WTO nhưng các nước mới gia nhập đều phải tham gia một số ngành. Những ngành mà Việt Nam cam kết tham gia là sản phẩm công nghệ thông tin (ITA), dệt may và thiết bị y tế.

Việt Nam cũng tham gia một số phần với thời gian thực hiện sau từ 3 – 5 năm đối với các ngành thiết bị máy bay, hóa chất và thiết bị xây dựng.

Về hạn ngạch thuế quan, Việt Nam bảo lưu quyền áp dụng với đường, trứng gia cầm, lá thuốc lá và muối. Đối với 4 mặt hàng này, mức thuế trong hạn ngạch là tương đương mức thuế MFN (nguyên tắc tối huệ quốc của WTO), cụ thể trứng 40%, đường thô 25%, đường tinh 40-50%, thuốc lá lá 30%, muối ăn 30%. Mức thuế ngoài hạn ngạch cao hơn rất nhiều.

Cam kết về mở cửa thị trường dịch vụ

Về diện cam kết, trong Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ (BTA), Việt Nam đã cam kết 8 ngành dịch vụ (khoảng 65 phân ngành). Trong thỏa thuận gia nhập WTO, Việt Nam cam kết đủ 11 ngành dịch vụ, tính theo phân ngành khoảng 110. Về mức độ cam kết, thỏa thuận WTO đi xa hơn BTA nhưng không nhiều. Với hầu hết các ngành dịch vụ, trong đó có những ngành nhạy cảm như bảo hiểm, phân phối, du lịch... Việt Nam giữ được mức độ cam kết gần như BTA. Riêng viễn thông, ngân hàng và chứng khoán, để kết thúc đàm phán, Việt Nam có một số bước tiến nhưng nhìn chung không quá xa so với hiện trạng và điều phù hợp với định hướng phát triển đã được phê duyệt cho các ngành này.

Mình nghĩ chính sách quản lí ngoại hối sẽ là công cụ đặc lực cho mục tiêu xuất khẩu hoặc nhập khẩu. Đồng tiền mất giá sẽ có lợi cho xuất khẩu và bất lợi cho nhập khẩu, rồi các chính sách cải thiện môi trường đầu tư...nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các DN hoạt động. Bởi vì theo luật nhà nước ta không được tham gia quá sâu trái với các qui định đã cam kết khi tham gia WTO.

3.2. Phương hướng quản lí

1. Giải pháp liên quan đến chính sách tiền tệ.

- Từng bước điều chỉnh tỷ giá ở mức hợp lý:

Giả sử so sánh một mặt hàng vào hai thời điểm khác nhau với tỷ giá khác nhau là $1\$ = 20.000\text{VNĐ}$ và $1\$ = 25.000\text{VNĐ}$. Nếu nhập khẩu hàng hóa đó vào lúc tỷ giá đồng Việt Nam thấp hơn ($1\$ = 25.000\text{VNĐ}$) thì giá nhập khẩu sẽ cao hơn và ngược lại. Do đó, chính phủ cần phải từng bước điều chỉnh tỷ giá hợp lí nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc nhập khẩu hàng hóa vào trong nước.

- Quản lí nguồn ngoại tệ:

Vì nhập khẩu hàng hóa bắt buộc phải sử dụng ngoại tệ, nên quản lí nguồn ngoại tệ đảm bảo cho việc luôn luôn có đủ ngoại tệ cho hoạt động nhập khẩu hàng hóa một cách trôi chảy, thuận lợi.

2. Giải pháp liên quan đến chính sách tài khóa.

- Thực hiện chính sách thuế phù hợp

- Tiếp tục thực hiện hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp nhập khẩu (các mặt hàng cần thiết)

3. Các giải pháp khác.

- Áp dụng hạn ngạch đối với các mặt hàng tiêu dùng hoặc các mặt hàng trong nước đã sản xuất tốt

- Sử dụng hàng rào về các tiêu chuẩn kỹ thuật, vệ sinh an toàn thực phẩm, dược phẩm.

Đa số các hàng hóa áp dụng giải pháp này là các mặt hàng thiết yếu. Khi các tiêu chuẩn này càng được thắt chặt thì khả năng nhập khẩu hàng hóa vào trong nước càng thấp. Giải pháp này sẽ làm tăng giá thành của hàng hóa nội địa, đồng thời khắc phục một cách hiệu quả tình trạng nhập siêu.

- Xây dựng hàng rào kỹ thuật để quản lí nhập khẩu chặt chẽ, không trái

với định ược quốc tế. Đẩy mạnh sản xuất trong nước thay thế hàng nhập khẩu. Cập nhật thông tin, nâng cao chất lượng phân tích, trách nhiệm dự báo để đối phó kịp thời diễn biến trước mắt cũng như đặt kế sách lâu dài.

- Tiếp tục cải cách hành chính, nâng cao tính hiệu quả của hệ thống chính sách, bộ máy.

Kết luận

Tham gia WTO là một sự kiện không nhỏ đối với nền kinh tế nước ta. Đây là lần đầu tiên chúng ta phải thực hiện các cam kết mang tính đa phương trong việc dỡ bỏ hàng rào bảo hộ, đồng thời cũng được hưởng những ưu đãi thương mại tương tự từ nhiều nước khác nhau. Cắt giảm thuế quan sẽ giúp các doanh nghiệp Việt Nam có thêm nhiều cơ hội xâm nhập thị trường các nước khác. Mặt khác, ta có thể nhập được nguyên liệu từ các nước rẻ hơn, làm giảm giá thành hàng hoá sản xuất trong nước. Việc tăng cường trao đổi hàng hoá giữa Việt Nam với các nước khác sẽ góp phần thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực khác nhau như công nghiệp, đầu tư. Qua quá trình hợp tác này, chúng ta có thể nhìn thấy rõ hơn nhưng thế mạnh và điểm yếu của mình so với các nước khác, từ đó có kế hoạch hỗ trợ, phân công lại sản xuất và lao động để thu được lợi ích tối đa cho nền kinh tế.

Trong thời gian qua ngành nhập khẩu mặt hàng chất dẻo nguyên liệu đã góp phần đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước. Tuy nhiên hoạt động kinh doanh nhập khẩu không tránh khỏi những khó khăn trước mắt cũng như lâu dài do những biến động về môi trường kinh tế, chính trị nói chung và sự biến động của thị trường thép nói riêng, sự cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ cạnh tranh. Chính vì vậy, để khai thác tiềm năng và lợi thế nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động kinh doanh không những cần có sự nỗ lực hoàn thiện của ngành mà còn cần có sự hỗ trợ từ phía Hiệp hội, Nhà Nước

Với sự hướng dẫn nhiệt tình của thầy giáo bộ môn kinh tế ngoại thương - thầy **Dương Văn Bạo**, em đã hoàn thành xong bài tập lớn. Em đã rất cố gắng tìm hiểu, học tập và nghiên cứu để hoàn thành bài tập thầy đã giao. Bài tập của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự giúp đỡ của thầy và các bạn để bài tập của em được hoàn chỉnh hơn.

Em xin chân thành cảm ơn thầy!